QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Luật số: 69/2025/QH15

LUẬT
HÓA CHẤT

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật Hóa chất.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về hóa chất, quản lý hoạt động hóa chất; phát triển ngành công nghiệp hóa chất; thông tin hóa chất; hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa; an toàn, an ninh trong hoạt động hóa chất.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Hóa chất* là chất, hỗn hợp chất tự nhiên hoặc được con người khai thác, tạo ra.

2. *Chất* là đơn chất, hợp chất bao gồm cả tạp chất sinh ra trong quá trình chế biến; những phụ gia cần thiết để bảo đảm đặc tính lý, hóa ổn định; không bao gồm dung môi mà khi tách ra thì tính chất của chất đó không thay đổi.

3. *Hỗn hợp chất* là tập hợp của hai chất hoặc nhiều chất mà giữa chúng không xảy ra phản ứng hóa học trong điều kiện bình thường.

4. *Hóa chất nguy hiểm* là hóa chất gây hại cho con người, cơ sở vật chất, tài sản, môi trường và có ít nhất một đặc tính nguy hiểm theo nguyên tắc phân loại do Thủ trưởng cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước ở trung ương về hóa chất (sau đây gọi chung là Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương về hóa chất) quy định.

5. *Chất độc* là hóa chất mà thông qua tác động hóa học của nó lên các quá trình sống có thể gây tử vong, mất năng lực tạm thời hoặc gây tổn thương vĩnh viễn cho con người, theo các tiêu chí cụ thể do Chính phủ quy định.

6. *Sản phẩm, hàng hóa chứa hóa chất nguy hiểm* là sản phẩm, hàng hóa trong điều kiện sử dụng hợp lý và đúng mục đích vẫn tiềm ẩn khả năng gây hại cho con người, cơ sở vật chất, tài sản, môi trường do thành phần hóa học trong sản phẩm, hàng hóa.

7. *Hóa chất cơ bản* là hóa chất được sử dụng làm nguyên liệu, nhiên liệu, phụ gia, dung môi trong quá trình sản xuất hóa chất khác hoặc trong quá trình sản xuất của các ngành kinh tế.

8. *Sản phẩm hóa dầu* là sản phẩm hóa chất của quá trình lọc dầu, chế biến dầu mỏ, khí tự nhiên, khí dầu mỏ, than đá hoặc sản phẩm được tạo ra thông qua phản ứng hóa học từ nguồn nguyên liệu là sản phẩm của quá trình lọc dầu, chế biến dầu mỏ, khí tự nhiên, khí dầu mỏ, than đá. Sản phẩm hóa dầu không bao gồm sản phẩm được sử dụng làm nhiên liệu hoặc để tạo ra năng lượng.

9. *Sản phẩm hóa dược* là hóa chất được sử dụng làm nguyên liệu làm thuốc và nguyên liệu làm thực phẩm bảo vệ sức khỏe, được tạo ra từ quá trình hóa học, quá trình chiết xuất hợp chất thiên nhiên, quá trình công nghệ sinh học.

10. *Sản phẩm cao su* gồm cao su tổng hợp; sản phẩm được sản xuất từ cao su thiên nhiên, cao su tổng hợp có yêu cầu kỹ thuật riêng biệt về khuôn mẫu và tính năng.

11. *Dự án hóa chất* là dự án đầu tư xây dựng được hình thành và thực hiện với mục tiêu chính để tiến hành hoạt động sản xuất, tồn trữ hóa chất, sản phẩm của ngành công nghiệp hóa chất.

12. *Cơ sở hóa chất* là địa điểm diễn ra một hoặc nhiều hoạt động sản xuất hóa chất, kinh doanh hóa chất, tồn trữ hóa chất, sử dụng hóa chất, xử lý chất thải hóa chất.

13. *Công trình hóa chất* là một hoặc tập hợp nhiều công trình xây dựng, dây chuyền công nghệ để tiến hành hoạt động sản xuất, tồn trữ hóa chất, sản phẩm của ngành công nghiệp hóa chất.

14. *Tổ hợp công trình hóa chất* là một tập hợp nhiều công trình hóa chất hoặc công trình có hoạt động sử dụng hóa chất, thuộc một dự án hoặc nhiều dự án khác nhau, có mối liên hệ về công nghệ, nguyên liệu, nhiên liệu, sản phẩm.

15. *Khu công nghiệp chuyên ngành hóa chất* là khu công nghiệp chuyên sản xuất và cung ứng dịch vụ cho dự án hóa chất, công trình hóa chất; có diện tích đất công nghiệp đạt tỷ lệ tối thiểu theo quy định của Chính phủ được sử dụng để thu hút dự án hóa chất, công trình hóa chất và dự án sử dụng sản phẩm của ngành công nghiệp hóa chất được sản xuất trong khu công nghiệp làm nguyên liệu, dung môi, chất xúc tác trong quá trình sản xuất.

16. *Hoạt động hóa chất* gồm hoạt động nghiên cứu hóa chất, thử nghiệm hóa chất, sản xuất hóa chất, kinh doanh hóa chất, vận chuyển hóa chất, tồn trữ hóa chất, sử dụng hóa chất, xử lý chất thải hóa chất, tiêu hủy hóa chất, thải bỏ hóa chất.

17. *Sản xuất hóa chất* gồm việc tạo ra hóa chất thông qua quá trình hóa học, quá trình công nghệ sinh học, pha chế, trích ly, cô đặc, chưng cất, chiết xuất, tinh chế hóa chất; gia công hóa chất; san chiết hóa chất. Sản xuất hóa chất không gồm hoạt động phát thải hóa chất không chủ đích.

18. *Kinh doanh hóa chất* gồm hoạt động mua, bán, trao đổi, cho thuê, xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất để cung ứng trên thị trường nhằm mục đích sinh lời.

19. *Sử dụng hóa chất* là việc dùng hóa chất cho mục đích tạo ra sản phẩm, hàng hóa khác; cung ứng dịch vụ; phục vụ quốc phòng, an ninh, y tế, khoa học, công nghệ hoặc mục đích hợp pháp khác.

20. *Dịch vụ tồn trữ hóa chất* là hoạt động cho thuê cơ sở vật chất để tồn trữ hóa chất cho tổ chức, cá nhân khác.

21. *Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất* là tập hợp dữ liệu về hóa chất; hoạt động hóa chất; ngành công nghiệp hóa chất; hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa; an toàn, an ninh trong hoạt động hóa chất.

22. *An toàn hóa chất* là việc áp dụng quy định, biện pháp nhằm mục tiêu không xảy ra ảnh hưởng tiêu cực đối với con người, cơ sở vật chất, tài sản, môi trường trong hoạt động hóa chất.

23. *An ninh hóa chất* là việc áp dụng quy định, biện pháp nhằm mục tiêu ngăn chặn việc sở hữu bất hợp pháp và sử dụng sai mục đích hóa chất, thiết bị hóa học để duy trì trạng thái ổn định, an toàn, không có dấu hiệu nguy hiểm, không đe dọa sự tồn tại và phát triển bình thường của tổ chức, cá nhân hoặc của xã hội.

24. *Sự cố hóa chất* là tình trạng cháy, nổ, rò rỉ, phát tán hóa chất gây hại hoặc có nguy cơ gây hại cho con người, cơ sở vật chất, tài sản, môi trường.

Điều 3. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Chiếm đoạt hóa chất; sản xuất, kinh doanh, vận chuyển, tồn trữ, sử dụng, mua, bán, trao đổi, tặng cho, gửi, mượn, cho mượn, thuê, cho thuê, cầm cố hóa chất trái pháp luật.

2. Chiếm đoạt, mua, bán, trao đổi, tặng cho, mượn, cho mượn, thuê, cho thuê, cầm cố, làm giả, sửa chữa, tẩy xóa giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ về hóa chất.

3. Không cung cấp hoặc cố ý cung cấp không đầy đủ, không kịp thời, sai lệch thông tin về đặc tính nguy hiểm của hóa chất; sản phẩm, hàng hóa chứa hóa chất nguy hiểm; việc mất, thất thoát hóa chất nguy hiểm; sự cố hóa chất.

4. Sử dụng hóa chất không rõ nguồn gốc, hóa chất không được sử dụng để sản xuất, kinh doanh và bảo quản thực phẩm, thuốc, nguyên liệu làm thuốc, mỹ phẩm, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, sản phẩm hóa chất tiêu dùng.

5. Sản xuất, nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa có hàm lượng hóa chất nguy hiểm không tuân thủ quy định của Luật này làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến con người, cơ sở vật chất, tài sản, môi trường.

6. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nghề nghiệp để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về quản lý hóa chất.

7. Sản xuất, kinh doanh, sử dụng hóa chất làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến con người, cơ sở vật chất, tài sản, môi trường; xâm phạm an ninh quốc gia, an ninh hóa chất, trật tự, an toàn xã hội; quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Chương II
PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

Điều 4. Chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất

1. Chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất đã được phê duyệt là căn cứ để xây dựng phương hướng phát triển ngành có lợi thế của vùng và phương án phát triển, sắp xếp, lựa chọn, phân bố nguồn lực phát triển trên địa bàn vùng thuộc nội dung của quy hoạch vùng; xây dựng phương hướng phát triển ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh, lựa chọn phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội và xây dựng phương án phát triển hệ thống khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao trên địa bàn tỉnh thuộc nội dung của quy hoạch tỉnh; quyết định chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án hóa chất.

2. Chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Phù hợp với chính sách của Nhà nước về hoạt động hóa chất, quy định của Luật này và luật khác có liên quan;

b) Phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch tổng thể quốc gia;

c) Bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

3. Chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất có các nội dung chính sau đây:

a) Quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển ngành công nghiệp hóa chất và lĩnh vực ưu tiên phát triển trong từng thời kỳ;

b) Định hướng hình thành các khu công nghiệp chuyên ngành hóa chất, phù hợp với điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội của các địa phương và đáp ứng yêu cầu an toàn hóa chất;

c) Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển ngành công nghiệp hóa chất.

4. Chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất được lập cho giai đoạn 10 năm, tầm nhìn đến 30 năm và do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, điều chỉnh.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 5. Dự án hóa chất

1. Hoạt động đầu tư dự án hóa chất, xây dựng công trình hóa chất thực hiện theo quy định của Luật này, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Chủ đầu tư dự án hóa chất có các nghĩa vụ sau đây:

a) Tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Lựa chọn, sử dụng công nghệ bảo đảm tiêu chuẩn an toàn, môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên, giảm thiểu việc sử dụng hóa chất nguy hiểm và giảm thiểu chất thải hóa chất;

c) Xây dựng và thực hiện Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất hoặc Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất theo quy định tại Mục 2 Chương VI của Luật này;

d) Áp dụng bộ nguyên tắc trong thiết kế, lựa chọn công nghệ, thiết bị, quy trình sản xuất, sử dụng và thải bỏ hóa chất nhằm giảm thiểu hoặc loại bỏ việc sử dụng và tạo ra hóa chất nguy hiểm (sau đây gọi là nguyên tắc hóa học xanh).

3. Đối với dự án hóa chất thuộc phạm vi điều chỉnh của quy chuẩn kỹ thuật về khoảng cách an toàn quy định tại khoản 2 Điều 35 của Luật này, trong quá trình quyết định chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư, cơ quan có thẩm quyền đánh giá sự phù hợp địa điểm của dự án hóa chất với quy định về khoảng cách an toàn.

4. Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng của dự án hóa chất được thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng và phải gồm các nội dung sau đây:

a) Việc tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và quy định về an toàn hóa chất;

b) Nguyên tắc hóa học xanh đã được áp dụng trong thiết kế và lựa chọn công nghệ, thiết bị.

5. Chính phủ quy định chi tiết điểm d khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này.

Điều 6. Lĩnh vực công nghiệp hóa chất trọng điểm

1. Lĩnh vực công nghiệp hóa chất trọng điểm bao gồm:

a) Sản xuất sản phẩm công nghiệp hóa chất trọng điểm gồm: sản phẩm hóa chất cơ bản thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này; sản phẩm hóa dầu; sản phẩm hóa dược; sản phẩm cao su, trừ sản phẩm săm, lốp; phân bón hàm lượng cao; hydro, amoniac được sản xuất bằng nguồn năng lượng tái tạo;

b) Đầu tư khu công nghiệp chuyên ngành hóa chất;

c) Đầu tư tổ hợp công trình hóa chất với mục tiêu chính là sản xuất hóa chất và sản phẩm của ngành công nghiệp hóa chất;

d) Đầu tư dự án hóa chất thuộc đối tượng áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt theo quy định của Luật Đầu tư.

2. Chính phủ quy định danh mục hóa chất cơ bản thuộc lĩnh vực công nghiệp hóa chất trọng điểm theo một trong các tiêu chí sau đây:

a) Hóa chất cơ bản được sử dụng trong nhiều ngành, lĩnh vực nhưng trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất trong nước chưa đáp ứng đủ nhu cầu;

b) Sản phẩm hóa chất cơ bản được sản xuất từ chế biến khoáng sản.

3. Dự án đầu tư thuộc lĩnh vực quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này có quy mô vốn đầu tư, tiến độ giải ngân theo quy định của Chính phủ được hưởng các hình thức ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đặc biệt theo quy định tại Luật Đầu tư và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 7. Hoạt động tư vấn chuyên ngành hóa chất

Hoạt động tư vấn chuyên ngành hóa chất thuộc Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện bao gồm:

1. Tư vấn xây dựng đối với dự án hóa chất gồm: lập thiết kế xây dựng, thẩm tra thiết kế xây dựng, giám sát thi công xây dựng công trình, giám sát thi công lắp đặt thiết bị vào công trình, quản lý dự án, định giá xây dựng;

2. Tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất;

3. Tư vấn an toàn, an ninh hóa chất gồm: lập Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất, Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; tổ chức diễn tập ứng phó sự cố hóa chất; huấn luyện an toàn về chuyên ngành hóa chất; phân loại và ghi nhãn hóa chất; lập phiếu an toàn hóa chất; đăng ký hóa chất mới.

Điều 8. Điều kiện tư vấn chuyên ngành hóa chất

1. Tổ chức thực hiện hoạt động tư vấn chuyên ngành hóa chất quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật này phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Được thành lập theo quy định của pháp luật;

b) Có năng lực hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng;

c) Có ít nhất 01 cá nhân tham gia hoạt động tư vấn đáp ứng các điều kiện sau đây: có bằng cử nhân hoặc tương đương trở lên về hóa học; có kinh nghiệm công tác phù hợp trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động tư vấn chuyên ngành hóa chất.

2. Tổ chức thực hiện hoạt động tư vấn chuyên ngành hóa chất quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 7 của Luật này phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Được thành lập theo quy định của pháp luật;

b) Có đội ngũ tư vấn viên đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này với số lượng phù hợp;

c) Có trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật cần thiết đáp ứng yêu cầu của hoạt động tư vấn.

3. Cá nhân thực hiện hoạt động tư vấn chuyên ngành hóa chất quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 7 của Luật này phải có chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất. Điều kiện để cá nhân được cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều này cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất bao gồm:

a) Có bằng cử nhân hoặc tương đương trở lên về hóa học;

b) Có kinh nghiệm công tác phù hợp trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động tư vấn chuyên ngành hóa chất.

4. Chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp.

5. Chính phủ quy định chi tiết các khoản 1, 2 và 3 Điều này; quy định nội dung chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất; quy định trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất.

Chương III
QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG HÓA CHẤT

Điều 9. Phạm vi, yêu cầu đối với hóa chất có điều kiện, hóa chất cần kiểm soát đặc biệt, hóa chất cấm

1. Phạm vi, yêu cầu đối với hóa chất có điều kiện được quy định như sau:

a) Hóa chất có điều kiện gồm chất và hỗn hợp chất nguy hiểm thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện do Chính phủ ban hành;

b) Hoạt động hóa chất đối với hóa chất có điều kiện phải tuân thủ quy định về an toàn, bảo vệ môi trường quy định tại Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Phạm vi, yêu cầu đối với hóa chất cần kiểm soát đặc biệt được quy định như sau:

a) Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt gồm chất và hỗn hợp chất nguy hiểm thuộc Danh mục hóa chất cần kiểm soát đặc biệt do Chính phủ ban hành, gồm: hóa chất thuộc đối tượng kiểm soát để thực thi điều ước quốc tế về hóa chất mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; hóa chất có khả năng gây hại đến quốc phòng, an ninh, an toàn xã hội, con người, cơ sở vật chất, tài sản, môi trường;

b) Hoạt động hóa chất đối với hóa chất cần kiểm soát đặc biệt phải tuân thủ quy định về an toàn, bảo vệ môi trường quy định tại Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan; có lĩnh vực, loại hình, quy mô, thời hạn phù hợp với giấy phép sản xuất, kinh doanh; được kiểm soát về mục đích sử dụng;

c) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, tồn trữ, vận chuyển, sử dụng hóa chất cần kiểm soát đặc biệt có nghĩa vụ kiểm soát nghiêm ngặt số lượng;

phòng, chống thất thoát, sự cố hóa chất; tuân thủ điều ước quốc tế về hóa chất mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Phạm vi, yêu cầu đối với hóa chất cấm được quy định như sau:

a) Hóa chất cấm là hóa chất nguy hiểm được quy định tại Danh mục hóa chất, khoáng vật cấm ban hành theo quy định của Luật Đầu tư;

b) Tổ chức, cá nhân không được thực hiện hoạt động hóa chất đối với hóa chất cấm, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này;

c) Tổ chức được phép sản xuất, nhập khẩu, sử dụng, vận chuyển, tồn trữ hóa chất cấm theo mục đích quy định tại Luật Đầu tư, Luật Quản lý ngoại thương và luật khác có liên quan; được phép xuất khẩu hóa chất cấm trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 12 của Luật này;

d) Tổ chức sản xuất, nhập khẩu, sử dụng, tồn trữ hóa chất cấm phải lập sổ theo dõi theo quy định của Bộ, cơ quan ngang Bộ; quản lý nghiêm ngặt số lượng, bảo đảm không để xảy ra thất thoát, sự cố hóa chất;

đ) Tổ chức, cá nhân không được tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, chuyển khẩu, quá cảnh hóa chất cấm.

Điều 10. Sản xuất hóa chất

1. Tổ chức sản xuất hóa chất phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Được thành lập theo quy định của pháp luật;

b) Có đầy đủ tài liệu pháp lý, tài liệu an toàn, cơ sở vật chất - kỹ thuật, năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu để thực hiện hoạt động sản xuất hóa chất;

c) Đáp ứng quy định tại Điều 33 và Điều 35 của Luật này;

d) Tổ chức sản xuất hóa chất có điều kiện, hóa chất cần kiểm soát đặc biệt, hóa chất cấm phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất có điều kiện, Giấy phép sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt, Giấy phép sản xuất hóa chất cấm quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này.

2. Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất có điều kiện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp khi tổ chức sản xuất hóa chất đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và phải tuân thủ yêu cầu quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 của Luật này.

Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất có điều kiện có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện cấp lại, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất có điều kiện.

3. Giấy phép sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt do Bộ, cơ quan ngang Bộ cấp khi tổ chức sản xuất hóa chất đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và phải tuân thủ yêu cầu quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 9 của Luật này.

Giấy phép sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp. Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện cấp lại, điều chỉnh, thu hồi Giấy phép sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.

4. Giấy phép sản xuất hóa chất cấm do cơ quan, người có thẩm quyền cấp trong trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 9 của Luật này khi tổ chức sản xuất hóa chất đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và phải tuân thủ quy định tại điểm d khoản 3 Điều 9 của Luật này.

Giấy phép sản xuất hóa chất cấm có thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này; quy định việc thu hồi Giấy phép sản xuất hóa chất cấm.

Điều 11. Kinh doanh hóa chất

1. Tổ chức kinh doanh hóa chất phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Được thành lập theo quy định của pháp luật;

b) Có đầy đủ tài liệu pháp lý, tài liệu an toàn, cơ sở vật chất - kỹ thuật, năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu để thực hiện hoạt động kinh doanh hóa chất;

c) Đáp ứng các quy định tại Điều 33 của Luật này;

d) Tổ chức kinh doanh hóa chất có điều kiện, hóa chất cần kiểm soát đặc biệt phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất có điều kiện, Giấy phép kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

2. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất có điều kiện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp khi tổ chức kinh doanh hóa chất đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và phải tuân thủ các yêu cầu quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 của Luật này.

Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất có điều kiện có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện cấp lại, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất có điều kiện.

3. Giấy phép kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt do Bộ, cơ quan ngang Bộ cấp khi tổ chức kinh doanh hóa chất đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và phải tuân thủ các yêu cầu quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 9 của Luật này.

Giấy phép kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp. Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện cấp lại, điều chỉnh, thu hồi Giấy phép kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.

4. Tổ chức, cá nhân mua, bán hóa chất cần kiểm soát đặc biệt phải lập phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất cần kiểm soát đặc biệt theo quy định tại Điều 17 của Luật này và phải được xác thực dữ liệu về tổ chức, cá nhân mua, bán theo lộ trình thực hiện do Chính phủ quy định.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 12. Xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, chuyển khẩu, quá cảnh và hoạt động khác có liên quan đến hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế đối với hóa chất

1. Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, chuyển khẩu, quá cảnh và hoạt động khác có liên quan đến hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế đối với hóa chất thực hiện theo quy định của Luật này, Luật Quản lý ngoại thương và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Các trường hợp được xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất có điều kiện bao gồm:

a) Tổ chức sản xuất hóa chất có điều kiện được xuất khẩu hóa chất do chính tổ chức đó sản xuất theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất có điều kiện;

b) Tổ chức kinh doanh hóa chất có điều kiện được xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất có điều kiện để phục vụ mục đích kinh doanh;

c) Tổ chức, cá nhân sử dụng hóa chất được nhập khẩu hóa chất có điều kiện để phục vụ mục đích sử dụng của tổ chức, cá nhân đó.

3. Các trường hợp được xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt bao gồm:

a) Tổ chức sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt được xuất khẩu hóa chất do chính tổ chức đó sản xuất theo Giấy phép sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt và Giấy phép xuất khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;

b) Tổ chức kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt được xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất theo Giấy phép kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt và Giấy phép xuất khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt, Giấy phép nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt để phục vụ mục đích kinh doanh;

c) Tổ chức, cá nhân sử dụng hóa chất cần kiểm soát đặc biệt đã thực hiện công bố loại hóa chất và mục đích sử dụng hóa chất trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất được nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt theo Giấy phép nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt để phục vụ mục đích sử dụng của tổ chức, cá nhân đó.

4. Giấy phép xuất khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt, Giấy phép nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt được quy định như sau:

a) Cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép xuất khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt, Giấy phép nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;

b) Giấy phép xuất khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt, Giấy phép nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt được cấp cho từng hóa đơn xuất khẩu, hóa đơn nhập khẩu và có thời hạn 06 tháng kể từ ngày cấp;

c) Giấy phép xuất khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt, Giấy phép nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt được gia hạn trong trường hợp hết thời hạn ghi trong Giấy phép nhưng việc xuất khẩu, nhập khẩu chưa thực hiện được hoặc thực hiện chưa xong. Giấy phép chỉ được gia hạn 01 lần và có thời hạn không quá 06 tháng kể từ ngày cấp phép gia hạn.

5. Xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cấm được quy định như sau:

a) Hoạt động xuất khẩu hóa chất cấm chỉ được thực hiện trong trường hợp tổ chức nhập khẩu hóa chất cấm không sử dụng hết hóa chất cấm sau thời hạn sử dụng quy định trong Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm đã được cấp và phải thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Trong trường hợp không xuất khẩu, tổ chức nhập khẩu hóa chất cấm thực hiện tiêu hủy hóa chất cấm theo quy định của Luật này, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, an toàn lao động và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Tổ chức nhập khẩu hóa chất cấm có nghĩa vụ thông báo đến cơ quan cấp Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm để thực hiện xuất khẩu hoặc tiêu hủy sau khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận;

b) Hoạt động nhập khẩu hóa chất cấm thực hiện theo Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm do cơ quan có thẩm quyền cấp;

c) Tổ chức chỉ được nhập khẩu hóa chất cấm đúng nội dung được ghi trên Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm theo mục đích quy định tại Luật Đầu tư, Luật Quản lý ngoại thương và luật khác có liên quan. Hoạt động nhập khẩu hóa chất cấm phải đáp ứng các điều kiện sau đây: có đầy đủ tài liệu pháp lý, cơ sở vật chất - kỹ thuật, năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu để thực hiện tồn trữ, vận chuyển và sử dụng hóa chất cấm;

d) Tổ chức nhập khẩu hóa chất cấm có nghĩa vụ tuân thủ các quy định về sử dụng hóa chất cấm quy định tại điểm d khoản 3 Điều 9 và khoản 3 Điều 15 của Luật này;

đ) Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm được cấp cho từng lô hàng nhập khẩu và có thời hạn nhập khẩu là 06 tháng kể từ ngày cấp.

6. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu hóa chất phải thực hiện khai báo hóa chất nhập khẩu, trừ các trường hợp sau đây:

a) Tổ chức, cá nhân nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt không phải thực hiện khai báo hóa chất nhập khẩu;

b) Tổ chức nhập khẩu hóa chất cấm không phải thực hiện khai báo hóa chất nhập khẩu;

c) Trường hợp miễn trừ khác theo quy định của Chính phủ.

7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 13. Vận chuyển hóa chất

1. Trường hợp xảy ra sự cố trong quá trình vận chuyển hóa chất, người điều khiển phương tiện, chủ hàng, chủ phương tiện có nghĩa vụ áp dụng ngay các biện pháp cần thiết để hạn chế tối đa hậu quả, khắc phục sự cố, bồi thường thiệt hại.

2. Tổ chức, cá nhân vận chuyển hóa chất nguy hiểm phải tuân thủ các quy định về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm của pháp luật về đường bộ, trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt, hàng không, hàng hải; yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này, Điều 33, điểm c khoản 1 Điều 38 của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. Khi xảy ra sự cố, tổ chức, cá nhân vận chuyển hóa chất nguy hiểm phải thông báo ngay cho Ủy ban nhân dân và Ban chỉ huy phòng thủ dân sự nơi gần nhất.

3. Hoạt động vận chuyển hóa chất cần kiểm soát đặc biệt thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, điểm b và điểm c khoản 2 Điều 9 của Luật này.

4. Hoạt động vận chuyển hóa chất cấm thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này và điểm c khoản 3 Điều 9 của Luật này. Người thực hiện vận chuyển hóa chất cấm có các nghĩa vụ sau đây:

a) Kiểm tra điều kiện an toàn, an ninh hóa chất trước khi xuất phát và sau mỗi lần dừng, đỗ phương tiện vận chuyển hóa chất cấm;

b) Thực hiện đầy đủ thủ tục giao, nhận về hàng hóa, tài liệu liên quan đến hóa chất cấm;

c) Không dừng, đỗ phương tiện vận chuyển hóa chất cấm ở nơi đông người, khu vực dân cư, gần trạm xăng dầu, nơi có công trình quan trọng về quốc phòng, an ninh, kinh tế, văn hóa, ngoại giao. Trường hợp cần dừng, đỗ phương tiện vận chuyển hóa chất cấm qua đêm hoặc do sự cố phải thông báo ngay cho cơ quan quân sự, cơ quan công an nơi gần nhất để phối hợp bảo vệ.

Điều 14. Tồn trữ hóa chất

1. Tổ chức, cá nhân tồn trữ hóa chất có các nghĩa vụ sau đây:

a) Tuân thủ yêu cầu quy định tại các điều 33, 35, 36, 37, 38, 39, 40 và 41 của Luật này;

b) Có thông tin cảnh báo cần thiết tại nơi tồn trữ hóa chất nguy hiểm, nội quy về an toàn hóa chất, có hệ thống báo hiệu phù hợp với mức độ nguy hiểm của hóa chất tại khu vực tồn trữ hóa chất nguy hiểm. Trường hợp hóa chất có nhiều đặc tính nguy hiểm khác nhau thì biểu trưng cảnh báo phải thể hiện đầy đủ các đặc tính nguy hiểm đó;

c) Có trang thiết bị, phương tiện ứng cứu sự cố phù hợp với đặc tính nguy hiểm của hóa chất.

2. Tồn trữ hóa chất có điều kiện được quy định như sau:

a) Hoạt động tồn trữ hóa chất có điều kiện thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này và điểm b khoản 1 Điều 9 của Luật này;

b) Tổ chức, cá nhân phải có kho chứa để thực hiện tồn trữ hóa chất có điều kiện hoặc sử dụng dịch vụ tồn trữ hóa chất của tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất theo quy định tại khoản 5 Điều này.

3. Tồn trữ hóa chất cần kiểm soát đặc biệt được quy định như sau:

a) Hoạt động tồn trữ hóa chất cần kiểm soát đặc biệt thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này và điểm b, điểm c khoản 2 Điều 9 của Luật này;

b) Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt phải được quản lý; tồn trữ bảo đảm an toàn; phòng, chống thất thoát, hư hỏng;

c) Tổ chức, cá nhân phải có kho chứa để thực hiện tồn trữ hóa chất cần kiểm soát đặc biệt hoặc sử dụng dịch vụ tồn trữ hóa chất của tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất theo quy định tại khoản 5 Điều này.

4. Tồn trữ hóa chất cấm được quy định như sau:

a) Hoạt động tồn trữ hóa chất cấm thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này, điểm c khoản 3 Điều 9 của Luật này;

b) Hóa chất cấm phải được quản lý; tồn trữ bảo đảm an toàn; phòng, chống thất thoát, hư hỏng;

c) Hóa chất cấm phải được tồn trữ tại kho riêng hoặc khu vực riêng biệt của kho chứa hóa chất;

d) Tổ chức tồn trữ hóa chất cấm phải lập sổ theo dõi theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 9 của Luật này.

5. Tổ chức thực hiện dịch vụ tồn trữ hóa chất đối với hóa chất cần kiểm soát đặc biệt, hóa chất có điều kiện phải được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Đáp ứng yêu cầu tại khoản 1 Điều này, điểm b khoản 1, điểm b và điểm c khoản 2 Điều 9 của Luật này;

b) Có đầy đủ tài liệu pháp lý, tài liệu an toàn, cơ sở vật chất - kỹ thuật, năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu để thực hiện tồn trữ.

6. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp.

7. Chính phủ quy định chi tiết điểm b và điểm c khoản 1 Điều này; quy định nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất; quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất.

Điều 15. Sử dụng hóa chất

1. Tổ chức, cá nhân sử dụng hóa chất phải bảo đảm các điều kiện về an ninh, trật tự, phòng cháy và chữa cháy, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và tuân thủ yêu cầu về bảo đảm an toàn trong hoạt động sử dụng hóa chất quy định tại Điều 33 của Luật này.

2. Sử dụng hóa chất cần kiểm soát đặc biệt được quy định như sau:

a) Hoạt động sử dụng hóa chất cần kiểm soát đặc biệt thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều này, điểm b và điểm c khoản 2 Điều 9 của Luật này;

b) Tổ chức, cá nhân sử dụng hóa chất cần kiểm soát đặc biệt có nghĩa vụ công bố loại hóa chất và mục đích sử dụng hóa chất trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất trước khi sử dụng lần đầu hoặc trước khi thay đổi mục đích sử dụng.

3. Sử dụng hóa chất cấm được quy định như sau:

a) Tổ chức sử dụng hóa chất cấm phải được thành lập theo quy định của pháp luật; có hoạt động đặc biệt sử dụng hóa chất cấm theo mục đích quy định tại Luật Đầu tư, Luật Quản lý ngoại thương và luật khác có liên quan;

b) Tổ chức sử dụng hóa chất cấm phải tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều này và điểm d khoản 3 Điều 9 của Luật này.

4. Theo yêu cầu quản lý, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quy định về hóa chất không được sử dụng trong phạm vi ngành, lĩnh vực được phân công.

5. Chính phủ quy định chi tiết điểm b khoản 2 Điều này.

Điều 16. Xử lý chất thải từ hoạt động hóa chất

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động hóa chất phải xử lý chất thải, bao bì, thiết bị chứa hóa chất thải bỏ từ hoạt động hóa chất và các vật dụng khác có liên quan đến quá trình sử dụng có chứa yếu tố độc hại, dễ cháy, dễ nổ, gây ăn mòn, gây nhiễm độc hoặc có đặc tính nguy hại dễ gây ô nhiễm môi trường và các đặc tính nguy hại khác theo quy định của Luật này, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, an toàn lao động và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Tổ chức, cá nhân xử lý chất thải công nghiệp từ hoạt động hóa chất phải thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này và Điều 33 của Luật này.

Điều 17. Kiểm soát mua, bán hóa chất cần kiểm soát đặc biệt

1. Tổ chức kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất cần kiểm soát đặc biệt phải lập phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất cần kiểm soát đặc biệt cho từng lần giao hàng.

2. Tổ chức kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất cần kiểm soát đặc biệt chỉ được bán hóa chất cần kiểm soát đặc biệt cho các đối tượng sau đây:

a) Tổ chức có giấy phép kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt;

b) Tổ chức, cá nhân sử dụng hóa chất cần kiểm soát đặc biệt đã thực hiện công bố loại hóa chất và mục đích sử dụng hóa chất trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất.

3. Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương về hóa chất quy định biểu mẫu, thời hạn, phương thức và lộ trình thực hiện lập phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất cần kiểm soát đặc biệt trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất.

Điều 18. Miễn cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện; Giấy phép sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt; Giấy phép sản xuất, nhập khẩu hóa chất cấm; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất

1. Các trường hợp được miễn cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện; Giấy phép sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt; Giấy phép sản xuất, nhập khẩu hóa chất cấm; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất bao gồm:

a) Hỗn hợp chất có chứa chất thuộc danh mục do Chính phủ ban hành theo quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 9 của Luật này được phân loại nguy hiểm ở cấp độ thấp;

b) Trường hợp san chiết, pha chế hóa chất nhằm phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất nội bộ của tổ chức thực hiện việc san chiết, pha chế;

c) Trường hợp khác theo quy định của Chính phủ.

2. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này.

Điều 19. Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện; Giấy phép sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt; Giấy phép sản xuất, nhập khẩu hóa chất cấm; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất

1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện; Giấy phép sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt; Giấy phép sản xuất, nhập khẩu hóa chất cấm; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ chức được cấp giấy phép, giấy chứng nhận tự chấm dứt hoạt động hóa chất và có văn bản đề nghị thu hồi gửi cơ quan cấp giấy phép, giấy chứng nhận;

b) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương bị thu hồi hoặc tổ chức giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật; cá nhân chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết;

c) Hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép, giấy chứng nhận có thông tin gian dối hoặc có giấy tờ giả mạo;

d) Giấy phép, giấy chứng nhận được cấp không đúng thẩm quyền, đối tượng hoặc có nội dung trái quy định của pháp luật;

đ) Mua, bán, trao đổi, tặng cho, mượn, cho mượn, thuê, cho thuê, cầm cố, làm giả, sửa chữa, tẩy xóa các loại giấy phép, giấy chứng nhận;

e) Không khắc phục kịp thời theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đáp ứng đầy đủ các điều kiện trong quá trình hoạt động hóa chất;

g) Theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

2. Chính phủ quy định trình tự, thủ tục thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương IV
THÔNG TIN HÓA CHẤT

Điều 20. Đăng ký hóa chất mới

1. Hóa chất mới là chất chưa có trong Danh mục hóa chất quốc gia và danh mục hóa chất nước ngoài được cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam thừa nhận. Hóa chất mới chỉ được đưa vào sử dụng, lưu thông trên thị trường sau khi được đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Hồ sơ đăng ký hóa chất mới bao gồm:

a) Văn bản đăng ký hóa chất mới;

b) Kết quả đánh giá hóa chất mới gồm thông tin về tính chất vật lý, hóa học và đặc tính nguy hiểm của hóa chất được cung cấp bởi tổ chức đánh giá hóa chất mới quy định tại Điều 21 của Luật này.

Hồ sơ đăng ký hóa chất mới sử dụng cho mục đích nghiên cứu khoa học, quốc phòng, an ninh, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, thông tin quy định tại điểm này được bổ sung trong thời hạn 05 năm kể từ ngày đăng ký.

3. Chính phủ quy định lộ trình xây dựng Danh mục hóa chất quốc gia và thừa nhận danh mục hóa chất nước ngoài; quy định trình tự, thủ tục đăng ký hóa chất mới quy định tại khoản 1 Điều này; quy định chi tiết khoản 2 Điều này.

Điều 21. Tổ chức đánh giá hóa chất mới

1. Tổ chức đánh giá hóa chất mới bao gồm:

a) Tổ chức đánh giá sự phù hợp có đủ điều kiện để đánh giá hóa chất mới, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định;

b) Tổ chức thử nghiệm của nước ngoài được quốc gia là thành viên của Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) thừa nhận về đánh giá hóa chất;

c) Tổ chức thử nghiệm của quốc gia đã ký kết với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau kết quả đánh giá sự phù hợp.

2. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này.

Điều 22. Quản lý hóa chất mới

1. Hóa chất mới sau khi được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền được phân loại và quản lý như hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.

2. Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày hóa chất mới được đăng ký, hằng năm, tổ chức, cá nhân có hoạt động hóa chất liên quan đến hóa chất mới phải cập nhật thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất về quá trình hoạt động với hóa chất mới.

3. Căn cứ kết quả đánh giá hóa chất mới và báo cáo quá trình hoạt động với hóa chất mới trong thời gian 05 năm kể từ ngày hóa chất mới được đăng ký, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm đánh giá mức độ rủi ro về an toàn, an ninh hóa chất để đề xuất Chính phủ xem xét, quyết định phương thức quản lý phù hợp và thông báo với tổ chức, cá nhân đăng ký hóa chất mới.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 23. Phân loại, ghi nhãn hóa chất

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hóa chất có nghĩa vụ phân loại, ghi nhãn hóa chất trước khi đưa hóa chất vào sử dụng, lưu thông trên thị trường; chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả phân loại hóa chất và thông tin thể hiện trên nhãn hóa chất.

2. Việc phân loại hóa chất thực hiện theo quy tắc, hướng dẫn kỹ thuật của Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS) và theo quy định chi tiết của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương về hóa chất.

3. Việc ghi nhãn hóa chất thực hiện theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa.

4. Việc ghi nhãn hóa chất nguy hiểm thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này và hướng dẫn của Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất.

5. Khi phát hiện đặc tính nguy hiểm mới của hóa chất chưa được thể hiện trong thông tin phân loại hóa chất, tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất có nghĩa vụ kịp thời thông báo cho tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hóa chất đó để thực hiện lại việc phân loại, ghi nhãn hóa chất theo quy định của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương về hóa chất.

Điều 24. Bao bì, thiết bị chứa và hoạt động đóng gói hóa chất

Bao bì, thiết bị chứa và hoạt động đóng gói hóa chất phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

1. Đáp ứng yêu cầu về phân loại, ghi nhãn hóa chất quy định tại Điều 23 của Luật này;

2. Bao bì, thiết bị chứa và hoạt động đóng gói hóa chất phải tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định khác của pháp luật có liên quan, bảo đảm không bị rò rỉ, thất thoát hóa chất trong vận chuyển, tồn trữ;

3. Bao bì, thiết bị chứa hóa chất nhập khẩu thực hiện theo khuyến cáo và yêu cầu của nhà sản xuất;

4. Bao bì, thiết bị chứa hóa chất phải bảo đảm không bị hóa chất chứa bên trong ăn mòn, phá hủy.

Điều 25. Phiếu an toàn hóa chất

1. Tổ chức sản xuất hóa chất nguy hiểm, tổ chức, cá nhân nhập khẩu hóa chất nguy hiểm phải lập phiếu an toàn hóa chất khi nhập khẩu hóa chất, trước khi đưa hóa chất vào sử dụng, lưu thông trên thị trường và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin thể hiện trong phiếu an toàn hóa chất.

2. Tổ chức bán hóa chất nguy hiểm có nghĩa vụ cung cấp phiếu an toàn hóa chất cho tổ chức, cá nhân mua hóa chất. Tổ chức, cá nhân mua hóa chất nguy hiểm có nghĩa vụ yêu cầu tổ chức bán hóa chất cung cấp phiếu an toàn hóa chất, lưu giữ phiếu an toàn hóa chất tại địa điểm tồn trữ hóa chất.

3. Tổ chức sản xuất hóa chất nguy hiểm, tổ chức, cá nhân nhập khẩu hóa chất nguy hiểm có nghĩa vụ sửa đổi, bổ sung phiếu an toàn hóa chất khi có thay đổi về nội dung hoặc phát hiện đặc tính nguy hiểm mới của hóa chất trước khi tiếp tục lưu thông hóa chất trên thị trường, đưa hóa chất vào sử dụng.

4. Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương về hóa chất quy định chi tiết về nội dung, biểu mẫu phiếu an toàn hóa chất.

Điều 26. Bảo mật thông tin

1. Tổ chức, cá nhân khai báo, đăng ký, báo cáo, cập nhật thông tin, cập nhật dữ liệu theo quy định của Luật này có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức tiếp nhận có trách nhiệm bảo mật thông tin có liên quan đến bí quyết công nghệ, bí mật thương mại và thông tin bảo mật khác theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Tổ chức, cá nhân yêu cầu bảo mật có nghĩa vụ cung cấp thông tin, tài liệu liên quan gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đánh giá sự phù hợp của yêu cầu bảo mật thông tin.

2. Những thông tin không được bảo mật bao gồm:

a) Tên thương mại của hóa chất;

b) Tên của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hóa chất; tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 5 Điều 29 của Luật này;

c) Phiếu an toàn hóa chất quy định tại Điều 25 của Luật này;

d) Thông tin phục vụ phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất; ngăn chặn và hạn chế ảnh hưởng xấu do độc tính của hóa chất; thông tin cảnh báo khi sử dụng, tiếp xúc với hóa chất và cách xử lý sơ bộ trong trường hợp xảy ra sự cố hóa chất;

đ) Phương pháp phân tích để xác định khả năng phơi nhiễm đối với con người và môi trường; tóm tắt kết quả thử nghiệm độc tính của hóa chất;

e) Độ tinh khiết của hỗn hợp chất và mức độ nguy hại của phụ gia, tạp chất.

3. Cơ quan, người tiếp nhận thông tin của tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm cung cấp thông tin bảo mật khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 27. Lưu trữ thông tin hóa chất nguy hiểm

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất phải thiết lập, thường xuyên cập nhật, lưu trữ thông tin về hóa chất nguy hiểm trong hoạt động hóa chất của mình và lưu giữ hồ sơ trong thời hạn ít nhất 03 năm kể từ ngày kết thúc hoạt động đối với hóa chất đó.

2. Nội dung thông tin cần lưu trữ gồm tên khoa học, tên thương mại của hóa chất; khối lượng sản xuất, nhập khẩu, sử dụng, thải bỏ; mục đích sử dụng; phân loại nguy hiểm theo Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất; thông tin liên quan đến sự cố hóa chất, an toàn hóa chất tại cơ sở hoạt động hóa chất.

3. Trường hợp cơ sở hoạt động hóa chất có nhiều chi nhánh thì dữ liệu thông tin hóa chất nguy hiểm phải gồm tất cả các thông tin có liên quan quy định tại khoản 2 Điều này đối với cơ sở hoạt động hóa chất, các chi nhánh.

Điều 28. Nghĩa vụ cung cấp thông tin

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền trong các trường hợp sau đây:

a) Sự cố hóa chất xảy ra trong hoạt động hóa chất;

b) Phục vụ yêu cầu phòng ngừa thảm họa tự nhiên có khả năng gây ra sự cố hóa chất trong hoạt động hóa chất;

c) Phục vụ điều tra, khảo sát để xây dựng Chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất, kế hoạch về phát triển ngành công nghiệp hóa chất;

d) Phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động hóa chất.

2. Tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin hàm lượng hóa chất nguy hiểm trong hóa chất, sản phẩm, hàng hóa chứa hóa chất nguy hiểm cho cơ quan có thẩm quyền và người sử dụng.

3. Bộ, cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm cung cấp thông tin về hóa chất nguy hiểm thuộc lĩnh vực quản lý của mình theo yêu cầu để phục vụ cứu chữa, điều trị cho người chịu ảnh hưởng của sự cố hóa chất.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 29. Chuyển đổi số trong quản lý nhà nước về hóa chất

1. Nhà nước thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước về hóa chất; bảo đảm công khai, minh bạch, liên thông, đồng bộ và kịp thời trong việc thu thập, xử lý, khai thác và chia sẻ thông tin, dữ liệu.

2. Cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương về hóa chất công bố công khai, vận hành, nâng cấp, cập nhật thường xuyên, bảo đảm an toàn thông tin và an ninh mạng cho Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất; xây dựng cơ chế chia sẻ, sử dụng thông tin Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất.

3. Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất được sử dụng để phục vụ lưu trữ, quản lý, cập nhật, tích hợp thống nhất dữ liệu về hóa chất; về hoạt động hóa chất; ngành công nghiệp hóa chất; hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa; an toàn, an ninh trong hoạt động hóa chất; Danh mục hóa chất quốc gia; danh mục hóa chất nước ngoài được cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thừa nhận và dữ liệu khác theo quy định của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương về hóa chất.

4. Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất được thiết kế bảo đảm khả năng tích hợp, liên thông và chia sẻ dữ liệu với hệ thống thông tin quốc gia, hệ thống thông tin chuyên ngành có liên quan theo quy định của pháp luật. Thông tin trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất được phân cấp, phân quyền cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khai thác, sử dụng cho công tác quản lý nhà nước, điều tra và xử lý vi phạm.

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện chế độ cập nhật thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất bảo đảm đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn.

6. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm đồng bộ, chia sẻ dữ liệu liên quan đến hóa chất trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất.

7. Việc truy cập, khai thác và sử dụng dữ liệu trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất phải bảo đảm đúng thẩm quyền, đúng mục đích, tuân thủ quy định về bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo đảm an toàn thông tin và an ninh mạng.

8. Nhà nước bảo đảm nguồn lực để đầu tư, xây dựng, vận hành, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất; bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống thông tin quốc gia, hệ thống thông tin chuyên ngành có liên quan theo quy định của pháp luật.

9. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 30. Quảng cáo hóa chất

1. Hoạt động quảng cáo hóa chất được thực hiện theo quy định của pháp luật về quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt.

2. Hoạt động quảng cáo hóa chất nguy hiểm được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này. Nội dung quảng cáo hóa chất nguy hiểm phải bao gồm thông tin cảnh báo về đặc tính nguy hiểm của hóa chất, chỉ dẫn phòng ngừa tác hại của hóa chất.

Chương V
HÓA CHẤT NGUY HIỂM TRONG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Điều 31. Quy định chung về hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa

1. Hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa có quy chuẩn kỹ thuật thực hiện theo quy định của Luật này, Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và luật khác có liên quan.

2. Đối với hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa chưa có quy chuẩn kỹ thuật, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành Danh mục hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa cần công bố thông tin thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của mình.

3. Tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm, hàng hóa chứa hóa chất nguy hiểm thuộc Danh mục hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa quy định tại khoản 2 Điều này có nghĩa vụ xây dựng Quy trình kiểm soát hóa chất nguy hiểm trong quá trình sản xuất theo quy định của Chính phủ.

4. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này có nghĩa vụ thực hiện công bố thông tin về hàm lượng hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa theo quy định tại Điều 32 của Luật này và luật khác có liên quan.

5. Phòng thử nghiệm xác định hàm lượng hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa phải đăng ký hoạt động thử nghiệm theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

6. Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy định về quản lý hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 32. Công bố thông tin về hàm lượng hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa chứa hóa chất nguy hiểm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 31 của Luật này có nghĩa vụ công bố thông tin về hàm lượng hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa trước khi lưu thông trên thị trường trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất; công khai thông tin trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của tổ chức, cá nhân hoặc tại nơi trực tiếp cung cấp sản phẩm, hàng hóa cho bên mua.

2. Tổ chức, cá nhân bán sản phẩm, hàng hóa chứa hóa chất nguy hiểm có nghĩa vụ cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến bên mua và xuất trình khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Chính phủ quy định chi tiết về cách thức và thông tin công bố hàm lượng hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa.

Chương VI
AN TOÀN, AN NINH HÓA CHẤT

Mục 1
YÊU CẦU BẢO ĐẢM AN TOÀN, AN NINH TRONG HOẠT ĐỘNG HÓA CHẤT

Điều 33. Bảo đảm an toàn, an ninh trong hoạt động hóa chất

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất phải bảo đảm yêu cầu về cơ sở vật chất - kỹ thuật về an toàn, an ninh hóa chất.

2. Tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất phải có người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất có trình độ phù hợp.

3. Người lao động có liên quan đến hoạt động hóa chất phải được huấn luyện an toàn về chuyên ngành hóa chất và trang bị bảo hộ cá nhân phù hợp với nhiệm vụ được phân công.

4. Quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này không áp dụng đối với hoạt động sử dụng hóa chất cho nhu cầu tiêu dùng, sinh hoạt thiết yếu.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 34. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân về bảo đảm an toàn, an ninh hóa chất

1. Duy trì điều kiện về an toàn, an ninh hóa chất theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động hóa chất.

2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm định máy, thiết bị vận hành hệ thống an toàn và xử lý chất thải, phương tiện theo quy định của pháp luật.

3. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 35. Khoảng cách an toàn

1. Khoảng cách an toàn là khoảng cách cần bảo đảm từ một công trình hóa chất đến khu dân cư, công trình công cộng, công trình quốc phòng, khu quân sự, công trình an ninh, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, khu bảo tồn thiên nhiên, khu vực khai thác nguồn nước sinh hoạt nhằm hạn chế tối đa tác động tiêu cực đến con người, cơ sở vật chất, tài sản, môi trường trong điều kiện hoạt động bình thường.

2. Công trình hóa chất phải bảo đảm khoảng cách an toàn theo quy chuẩn kỹ thuật có liên quan.

3. Tổ chức, cá nhân không được xây dựng công trình nhà ở và công trình khác trong phạm vi khoảng cách an toàn quy định tại khoản 1 Điều này, trừ công trình chuyên dụng theo quy định của Chính phủ.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành lộ trình thực hiện quy định về khoảng cách an toàn đối với công trình hóa chất hoạt động trên địa bàn trước ngày quy chuẩn kỹ thuật quy định tại khoản 2 Điều này có hiệu lực mà không đáp ứng khoảng cách an toàn.

Mục 2
PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ HÓA CHẤT

Điều 36. Huấn luyện an toàn về chuyên ngành hóa chất

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất phải định kỳ huấn luyện an toàn về chuyên ngành hóa chất cho người lao động.

2. Việc huấn luyện an toàn về chuyên ngành hóa chất thực hiện theo quy định của Luật này, Luật An toàn, vệ sinh lao động, Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Chính phủ quy định chi tiết về đối tượng, nội dung, thời lượng huấn luyện và năng lực của người huấn luyện an toàn về chuyên ngành hóa chất.

Điều 37. Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

1. Trách nhiệm xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được quy định như sau:

a) Chủ đầu tư dự án có hoạt động tồn trữ hóa chất thuộc danh mục và vượt ngưỡng quy định tại khoản 2 Điều này phải xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong giai đoạn chuẩn bị dự án đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng và chỉ được tồn trữ hóa chất sau khi Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được phê duyệt;

b) Tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành cơ sở có hoạt động tồn trữ hóa chất thuộc danh mục và vượt ngưỡng quy định tại khoản 2 Điều này phải được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trước khi thực hiện hoạt động tồn trữ hóa chất.

2. Chính phủ ban hành Danh mục hóa chất phải xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; quy định ngưỡng khối lượng tồn trữ hóa chất lớn nhất tại một thời điểm phải xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; quy định chi tiết nội dung, trình tự, thủ tục, thẩm quyền, thời điểm thẩm định, phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.

Điều 38. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

1. Trách nhiệm xây dựng Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được quy định như sau:

a) Chủ đầu tư dự án có hoạt động tồn trữ hóa chất nguy hiểm không thuộc quy định tại khoản 1 Điều 37 của Luật này phải xây dựng Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong giai đoạn chuẩn bị dự án đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng và chỉ được tồn trữ hóa chất sau khi Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được ban hành;

b) Tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành cơ sở có hoạt động tồn trữ hóa chất nguy hiểm không thuộc quy định tại khoản 1 Điều 37 của Luật này phải xây dựng và ban hành Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trước khi thực hiện hoạt động tồn trữ hóa chất;

c) Trước khi vận chuyển hóa chất nguy hiểm, tổ chức, cá nhân vận chuyển hóa chất nguy hiểm có nghĩa vụ xây dựng và ban hành Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong vận chuyển và mang theo trong suốt quá trình vận chuyển.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 39. Thực hiện Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất, Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất có nghĩa vụ thực hiện đầy đủ các nội dung trong Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được phê duyệt hoặc Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được ban hành.

2. Chủ đầu tư dự án có hoạt động tồn trữ hóa chất; tổ chức, cá nhân hoạt động tồn trữ hóa chất quy định tại khoản 1 Điều 37 và khoản 1 Điều 38 của Luật này có nghĩa vụ điều chỉnh Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất, Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong trường hợp mở rộng quy mô, thay đổi dây chuyền công nghệ, trang thiết bị sản xuất, sử dụng, tồn trữ của dự án, cơ sở tồn trữ hóa chất. Hạng mục thay đổi của dự án, cơ sở hóa chất chỉ được đưa vào hoạt động sau khi Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được phê duyệt hoặc Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được ban hành.

3. Cơ sở hóa chất trong lĩnh vực dân sự có hoạt động tồn trữ hóa chất thuộc danh mục quy định tại khoản 2 Điều 37 của Luật này có nghĩa vụ tổ chức diễn tập ứng phó sự cố hóa chất định kỳ hằng năm.

4. Tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ cập nhật Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được phê duyệt hoặc Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được ban hành vào Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất, trừ trường hợp vì mục đích quốc phòng, an ninh.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 40. Trang thiết bị, nhân lực ứng phó sự cố hóa chất

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất có nghĩa vụ bảo đảm đủ năng lực về trang thiết bị, nhân lực ứng phó sự cố hóa chất tại chỗ và đầu tư hệ thống trang thiết bị ứng phó sự cố hóa chất phù hợp với quy mô, đặc tính nguy hiểm của hóa chất theo Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được phê duyệt hoặc Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được ban hành để bảo đảm an toàn và kịp thời khi ứng phó sự cố hóa chất.

2. Lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, lực lượng khác và cơ quan nhà nước có liên quan có trách nhiệm bảo đảm đủ năng lực về trang thiết bị, nhân lực để ứng phó sự cố hóa chất theo Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh đã được ban hành.

3. Nhà nước có chính sách về nâng cao năng lực phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong lĩnh vực dân sự.

Điều 41. Phối hợp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

1. Sự cố hóa chất được phân cấp như sau:

a) Sự cố hóa chất cấp cơ sở là sự cố hóa chất xảy ra trong phạm vi địa giới của cơ sở hóa chất và khi diễn biến, mức độ thiệt hại của sự cố nằm trong khả năng, điều kiện ứng phó, khắc phục hậu quả của lực lượng ứng phó tại cơ sở hóa chất;

b) Sự cố hóa chất cấp tỉnh là sự cố hóa chất xảy ra trong phạm vi địa bàn cấp tỉnh và khi diễn biến, mức độ thiệt hại của sự cố vượt quá khả năng, điều kiện ứng phó, khắc phục hậu quả của lực lượng ứng phó tại cơ sở hóa chất;

c) Sự cố hóa chất cấp quốc gia là sự cố hóa chất xảy ra trên địa bàn một hoặc một số tỉnh và khi diễn biến, mức độ thiệt hại của sự cố vượt quá khả năng, điều kiện ứng phó, khắc phục hậu quả của chính quyền địa phương cấp tỉnh.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm tổ chức thực hiện ứng phó sự cố hóa chất theo quy định của pháp luật về phòng thủ dân sự; tổng hợp thông tin, diễn biến sự cố, hiện trạng và kiến nghị về ảnh hưởng của sự cố đến con người, cơ sở vật chất, tài sản, môi trường đến Bộ quản lý lĩnh vực.

3. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khi xảy ra sự cố hóa chất bao gồm:

a) Khi xảy ra sự cố hóa chất, tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất phải áp dụng kịp thời Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất, Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; phải thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi vượt quá khả năng ứng phó để phối hợp xử lý theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ chấp hành việc huy động người, tài sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố hóa chất theo quy định của pháp luật;

c) Khi xảy ra sự cố, tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất phải xây dựng báo cáo cung cấp thông tin chi tiết về sự cố, chủng loại hóa chất, nguyên nhân, biện pháp ứng phó, khối lượng hóa chất bị thất thoát, hậu quả, phương hướng khắc phục sự cố gửi cho cơ quan quản lý ngành tại địa phương;

d) Chịu trách nhiệm và bồi thường thiệt hại do sự cố hóa chất gây ra theo quy định của pháp luật.

Điều 42. Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng và ban hành Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh phù hợp với quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và cập nhật vào Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức diễn tập ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh theo Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh đã được ban hành. Diễn tập ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh có thể được kết hợp với diễn tập ứng phó sự cố khác trên địa bàn.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Mục 3
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN CHO CỘNG ĐỒNG

Điều 43. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động hóa chất trong bảo vệ môi trường và an toàn cho cộng đồng

Tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động hóa chất có nghĩa vụ thực hiện đầy đủ quy định về an toàn hóa chất theo quy định của Luật này, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, an toàn lao động và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 44. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân nơi có cơ sở hoạt động hóa chất trong bảo vệ môi trường và an toàn cho cộng đồng

1. Tổ chức, cá nhân nơi có cơ sở hoạt động hóa chất có các quyền sau đây:

a) Tiếp cận thông tin về an toàn hóa chất theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Yêu cầu cơ sở hoạt động hóa chất thực hiện các biện pháp bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

c) Được bồi thường thiệt hại do hoạt động hóa chất gây ra theo quy định của pháp luật;

d) Phản ánh đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền về tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về an toàn hóa chất;

đ) Tham gia ý kiến về biện pháp bảo vệ môi trường và Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đối với dự án đầu tư cơ sở sản xuất, tồn trữ hóa chất nguy hiểm tại địa phương.

2. Tổ chức, cá nhân nơi có cơ sở hoạt động hóa chất có các nghĩa vụ sau đây:

a) Báo cáo kịp thời với cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi phát hiện hành vi vi phạm quy định của pháp luật về an toàn hóa chất;

b) Tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan, tổ chức thực hiện ứng phó, khắc phục sự cố hóa chất, xử lý và giải quyết theo quy định của pháp luật trong trường hợp xảy ra sự cố hóa chất.

Điều 45. Công khai thông tin về an toàn hóa chất

Tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất có nghĩa vụ phối hợp với chính quyền địa phương phổ biến công khai cho cộng đồng dân cư nơi có cơ sở hoạt động hóa chất thông tin về an toàn hóa chất sau đây:

1. Biện pháp bảo đảm an toàn, bảo vệ con người, cơ sở vật chất, tài sản, môi trường theo quy định của Luật này và quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

2. Nội dung cơ bản của Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất quy định tại Điều 37 của Luật này, trừ thông tin bảo mật quy định tại Điều 26 của Luật này.

Điều 46. Trách nhiệm xử lý hóa chất, sản phẩm chứa chất độc không rõ nguồn gốc; hóa chất, sản phẩm chứa chất độc bị tịch thu; xử lý chất độc tồn dư của chiến tranh

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện trách nhiệm sau đây:

a) Thống kê, phát hiện và thông báo về địa điểm, số lượng hóa chất, sản phẩm chứa chất độc không rõ nguồn gốc; hóa chất, sản phẩm chứa chất độc bị tịch thu trên địa bàn;

b) Xây dựng phương án xử lý hóa chất, sản phẩm chứa chất độc không rõ nguồn gốc; hóa chất, sản phẩm chứa chất độc bị tịch thu;

c) Tổ chức thực hiện phương án xử lý hóa chất, sản phẩm chứa chất độc không rõ nguồn gốc; hóa chất, sản phẩm chứa chất độc bị tịch thu.

2. Tổ chức, cá nhân có hóa chất, sản phẩm chứa chất độc bị tịch thu chịu toàn bộ chi phí xử lý hóa chất, sản phẩm chứa chất độc bị tịch thu.

3. Trường hợp cá nhân quy định tại khoản 2 Điều này bị chết hoặc mất tích; tổ chức quy định tại khoản 2 Điều này bị giải thể, phá sản; hóa chất, sản phẩm chứa chất độc không rõ nguồn gốc hoặc không xác định được chủ sở hữu thì chi phí xử lý hóa chất, sản phẩm chứa chất độc do cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt ra quyết định thực hiện được lấy từ nguồn ngân sách dự phòng cấp cho cơ quan đó.

4. Chính phủ quy định việc xử lý chất độc tồn dư của chiến tranh.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 47. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Quy định về Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất tại khoản 5 Điều 14 của Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

3. Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 28/2018/QH14 và Luật số 18/2023/QH15 (sau đây gọi chung là Luật Hóa chất số 06/2007/QH12) hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp quy định tại Điều 48 của Luật này.

Điều 48. Quy định chuyển tiếp

1. Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án hóa chất đã được trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định nhưng đến ngày Luật này có hiệu lực thi hành chưa có văn bản thẩm định thì việc thẩm định tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng.

2. Tổ chức, cá nhân đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được tiếp tục hoạt động theo giấy phép đã được cấp đến khi hết thời hạn của giấy phép.

Đối với hóa chất thuộc Danh mục hóa chất cần kiểm soát đặc biệt được ban hành theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 của Luật này mà không thuộc Danh mục hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh được ban hành theo quy định của Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 thì phải đáp ứng quy định của Luật này trước ngày 31 tháng 12 năm 2026.

3. Tổ chức, cá nhân đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được tiếp tục hoạt động theo giấy chứng nhận đã được cấp đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027.

Đối với hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện được ban hành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 của Luật này mà không thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện được ban hành theo quy định của Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 thì phải đáp ứng quy định của Luật này trước ngày 31 tháng 12 năm 2026.

4. Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được phê duyệt, Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện theo Kế hoạch, Biện pháp đó.

5. Đối với dự án thuộc quy định tại điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm a khoản 1 Điều 38 của Luật này đã kết thúc giai đoạn chuẩn bị dự án đầu tư xây dựng trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành mà chủ đầu tư dự án chưa xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất, Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất thì phải xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất, Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất và phải được phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất hoặc ban hành Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trước khi đưa công trình của dự án vào khai thác sử dụng.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2025.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn